TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH T**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HS-ST
Ngày 11 - 7 - 2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T , TỈNH T

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Lê Trọng Quý
Ông Lê Đức Trí
- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Ngọc Công - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện T

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:

Bà Trịnh Thị Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 28/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 6 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Cao Văn S , sinh ngày 17 tháng 3 năm 1993 tại xã T , huyện T , tỉnh T.
Nơi cư trú: Thôn Q xã T , huyện T , tỉnh T ; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Cao Văn L (Đã chết)và bà Bùi Thị H ; Chưa có vợ, con; Tiền án; Tiền sự: Không; Gia đình có hai chị em, bị cáo là con thứ 2.
Bị bắt, tạm giữ từ ngày 03/3/2018 đến ngày 12/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Hải N ; Sinh ngày 07 tháng 9 năm 1989 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T
Nơi cư trú: Thôn L , thị trấn L , huyện T , tinh T ;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa(học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Vũ Trọng L và bà Trần Thị T ; Gia đình có 02 chị em, bị cáo là con thứ 2; Vợ: Lê Thị P , sinh năm 1990. Hiện đã ly hôn, có 01 con sinh năm 2010.
Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/3/2018 đến ngày 12/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Đình H ; Sinh ngày 01 tháng 6 năm 1995 tại thị trấn L, huyện T, tỉnh T .
Nơi cư trú: Khu 4, thị trấn L , huyện T , tinh T ;
Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ Văn hóa(học vấn): 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không ; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn L và bà Trần Thị H ; Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ 3. Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không.
Bị cáo bị bắt tạm giữ từ ngày 03/3/2018 đến ngày 12/3/2018 được thay thế bằng biện pháp ngăn chặn: Cấm đi khỏi nơi cư trú.
Bị cáo tại ngoại có mặt tại phiên tòa.
- Người bào chữa của bị cáo Cao Văn S : Bà Hà Thị N . Có mặt
Trợ giúp viên pháp lý chi nhánh trợ giúp pháp lý số 6 Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh T
- Người làm chứng: 1. Trần Văn C , sinh năm 1979. Có mặt
Trú tại: Khu 2 thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

2. Lê Lại Minh S , sinh năm 1996. Có mặt
Trú tại: Khu 4 thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

3. Lê Duy H , sinh năm 1990. Có mặt
Trú tại: Thôn 3 xã X , huyện T , tỉnh T .

4. Trần Xuân H , sinh năm 1983. Có mặt
Trú tại: Khu 2 thị trấn L , huyện T , tỉnh T .

5. Lê Ngọc S , sinh năm 1996. Có mặt
Trú tại: Thôn Đ , thị trấn L , huyện T , tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau :

Do có mối quan hệ quen biết nên ngày 03/3/2018 anh Trần Văn C mời Vũ Hải N , Nguyễn Đình H và Cao Văn S đến dự đám cưới của mình tại gia đình ở khu 2 thị trấn L , huyện T , tỉnh T . Khoảng 11h N , H và S đến đám cưới thì anh C đã đi đón dâu, tại rạp đám cưới chỉ còn lại một số người. Khoảng 11h 30 phút có một nam thanh niên đưa cho N và H mỗi người một dây pháo nổ và nói: "Cầm lấy tí mà đốt". N và H cầm dây pháo rồi mỗi người lấy một đoạn luồng dài 3,9m, đường kính 7,5cm đem ra ngoài rạp đám cưới và treo dây pháo lên đoạn luồng với mục đích khi đón dâu về để đốt pháo cho vui. Rạp đám cưới dựng ngay lòng đường và vỉa hè của trục đường 47C đoạn qua khu 2 thị trấn L . H treo

dây pháo trước cổng rạp đám cưới phía lòng đường 47C, còn N treo dây pháo ở cổng rạp đám cưới phía lề đường. Khoảng 12h khi đón dâu về thì có một người đàn ông đưa cho S một chiếc bật lửa và bảo S ra đốt pháo. S cầm bật lửa rồi lần lượt châm lửa đốt nổ cả hai dây pháo mà N và H đã treo. Đến chiều và tối cùng ngày cả ba bị cáo H , N và S đến Đồn Công an M đầu thú.

Cơ quan điều tra Công an huyện T đã tiến hành khám nghiệm hiện trường, tại hiện trường thu giữ các mảnh giấy(xác pháo nổ) và 46 quả pháo không nổ. Cơ quan điều tra đã trưng cầu giám định đối với tất cả các vật chứng thu được.

Tại bản kết luận số 565/PC54 ngày 05/3/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T kết luận:

- 46 vật bằng giấy màu đỏ(loại giấy báo) hình trụ tròn, dài 0,5cm, đường kính ngoài 1,7cm, một đầu của vật có gắn sợi dây(loại dây dẫn lửa) bên trong có gắn thuốc pháo gửi giám định đều là pháo nổ. Tổng trọng lượng(khối lượng) của số pháo nổ trên là 0,3kg.

- Các mảnh giấy(loại giấy báo lẫn giấy bóng, giấy bạc các màu) có tổng khối lượng 0,5kg gửi giám định là xác pháo. Không đủ cơ sở xác định trọng lượng số pháo trước khi đốt của số xác pháo trên.

Vật chứng của vụ án gồm: 44 vật bằng giấy màu đỏ(loại giấy báo) hình trụ tròn, dài 0,5cm, đường kính ngoài 1,7cm, một đầu của vật có gắn sợi dây(loại dây dẫn lửa). Tổng khối lượng các vật còn lại sau giám định là 0,27kg, được niêm phong trong phong bì thư do công an tỉnh T phát hành; Các mảnh giấy(loại giấy báo lẫn giấy bóng, giấy bạc các màu) có tổng khối lượng 0,5kg, được niêm phong trong một hộp hình chữ nhật có đóng dấu niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T ; Hai đoạn luồng, mỗi đoạn dài 3,9m, đường kính 7,5cm. Hiện số vật chứng đang được quản lý tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện T .

Cáo trạng số 31/VKS -HS ngày 23/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T đã truy tố các bị cáo Cao Văn S , Vũ Hải N và Nguyễn Đình H về tội : "Gây rối trật tự nơi công cộng" theo khoản 1 Điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung cáo trạng truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Cao Văn S , Vũ Hải N và Nguyễn Đình H phạm tội: "Gây rối trật tự nơi công cộng". Đề nghị áp dụng khoản 1 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015; Đề nghị xử phạt bị cáo Cao Văn S từ 09(Chín)đến 12(Mười hai)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 đến 24(Hai mươi tư)tháng; Bị cáo Vũ Hải N từ 06(Sáu)đến 09(Chín)tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ

12(Mười hai)đến 18(Mười tám) tháng; Bị cáo Nguyễn Đình H từ 06(Sáu) đến 09(Chín) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 12(Mười hai) đến 18(Mười tám)tháng; Đề nghị HĐXX tịch thu tiêu hủy tang vật của vụ án theo quy định pháp luật. Buộc các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định pháp luật.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận gì, các bị cáo đề nghị HĐXX cho các bị cáo được hưởng sự khoan hồng của pháp luật.

Ý kiến của người bào chữa của bị cáo Cao Văn S : Bị cáo S có hoàn cảnh gia đình khó khăn, bị cáo S là người dân tộc thiểu số nên nhận thức còn hạn chế, bị cáo S đã khai báo thành khẩn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Mặt khác bị cáo S đã đầu thú nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xét xử bị cáo S với mức án thấp nhất và cho bị cáo S được hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai nhận tội của các bị cáo tại cơ quan điều tra ; Đối chiếu với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án đều phản ánh thống nhất khách quan: Vào ngày 03/3/2018 các bị cáo Vũ Hải N và Nguyễn Đình H đã có hành vi treo dây pháo nổ trước rạp đám cưới của anh Trần Văn C với mục đích khi đón dâu về thì đốt nổ. Bị cáo Cao Văn S đã có hành vi châm lửa đốt hai dây pháo mà H và N đã treo khi đám cưới đón dâu về. Địa điểm treo và đốt pháo là trước rạp đám cưới của gia đình anh C ngay tại trục đường Quốc lộ 47C đoạn qua khu 2 thị trấn L , huyện T , tỉnh T là nơi công cộng, tại đám cưới có tập trung đông người.

Vì vậy có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử kết luận: Các bị cáo Cao Văn S , Vũ Hải N và Nguyễn Đình H phạm tội: "Gây rối trật tự nơi công cộng" theo khoản 1 điều 318 Bộ luật hình sự năm 2015.

Cáo trạng số 31/VKS -HS ngày 23/5/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Xét về mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo thì HĐXX thấy rằng: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm trật tự trị an, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự, an toàn xã hội tại địa phương, gây tâm lý bất bình trong quần chúng nhân dân. Vì vậy cần phải xử phạt các bị cáo thật nghiêm minh mới đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo

trở thành công dân tốt có ích cho xã hội và có tác dục phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Xét vai trò thực hiện hành vi phạm tội của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo không phải là trường hợp có tổ chức mà chỉ là đồng phạm giản đơn. Các bị cáo gây rối trật tự nơi công cộng với vai trò và mức độ phạm tội khác nhau nên các bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo

Trong vụ án này bị cáo Cao Văn S tham gia với vai trò là người thực hành, bị cáo S là người trực tiếp châm lửa đốt hai dây pháo nổ, do đó bị cáo S phải chịu hình phạt cao nhất; Hai bị cáo Vũ Hải N và Nguyễn Đình H tham gia với vai trò là người giúp sức, bị cáo N và H là người trực tiếp treo hai dây pháo nổ trước cổng rạp đám cưới cho bị cáo S châm lửa đốt pháo nên hai bị cáo xếp vai trò ngang nhau và phải chịu mức hình phạt ngang nhau nhưng thấp hơn bị cáo S .

Tuy nhiên khi xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo thì Hội đồng xét xử thấy rằng: Các bị cáo đều không có tình tiết tăng nặng; Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đều thành khẩn khai báo; Các bị cáo đều phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Các bị cáo đều đã đầu thú. Do đó các bị cáo đều được hưởng 03 tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 điều 51 BLHS. HĐXX xét thấy các bị cáo đều không có tiền án, tiền sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có 03 tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có lý lịch và nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly các bị cáo, mà áp dụng điều 65 BLHS năm 2015 cho các bị cáo được cải tạo tại địa phương cũng đủ giáo dục các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội.

[II]. Xử lý vật chứng: Vật chứng của vụ án gồm: 44 vật bằng giấy màu đỏ(loại giấy báo) hình trụ tròn, dài 0,5cm, đường kính ngoài 1,7cm, một đầu của vật có gắn sợi dây(loại dây dẫn lửa). Tổng khối lượng các vật còn lại sau giám định là 0,27kg, được niêm phong trong phong bì thư do công an tỉnh T phát hành; Các mảnh giấy(loại giấy báo lẫn giấy bóng, giấy bạc các màu) có tổng khối lượng 0,5kg, được niêm phong trong một hộp hình chữ nhật có đóng dấu niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T ; Hai đoạn luồng, mỗi đoạn dài 3,9m, đường kính 7,5cm đều là công cụ phương tiện phạm tội, là vật không có giá trị nên HĐXX căn cứ vào điểm a khoản 1 điều 47 BLHS năm 2015 và điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015 tịch thu và tiêu huỷ.

[III] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí HSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 điều 318; Điều 17; Điều 58; Điểm i, s khoản 1, 2 điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 .

- Tuyên bố: Các bị cáo Cao Văn S , Vũ Hải N và Nguyễn Đình H phạm tội : "Gây rối trật tự nơi công cộng"

- Xử phạt: Bị cáo Cao Văn S 09(Chín)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18(Mười tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Vũ Hải N 06(Sáu)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị cáo Nguyễn Đình H 06(Sáu)tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 12(Mười hai) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Cao Văn S cho UBND xã T , huyện T , tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Giao các bị cáo Vũ Hải N và Nguyễn Đình H cho UBND thị trấn L , huyện T , tỉnh T giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 của Bộ luật Hình sự.

- Xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 điều 106 BLTTHS năm 2015 :

Tịch thu tiêu hủy gồm: 44 vật bằng giấy màu đỏ(loại giấy báo) hình trụ tròn, dài 0,5cm, đường kính ngoài 1,7cm, một đầu của vật có gắn sợi dây(loại dây dẫn lửa). Tổng khối lượng các vật còn lại sau giám định là 0,27kg, được niêm phong rtong phong bì thư do công an tỉnh T phát hành; Các mảnh giấy(loại giấy báo lẫn giấy bóng, giấy bạc các màu) có tổng khối lượng 0,5kg, được niêm phong trong một hộp hình chữ nhật có đóng dấu niêm phong của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh T ; Hai đoạn luồng, mỗi đoạn dài 3,9m, đường kính 7,5cm. Thể hiện tại Biên bản giao nhận vật chứng số 36 và phiếu nhập kho số: PNK 36 ngày 19/6/2018 của chi cục THADS huyện T .

- Về án phí : Căn cứ khoản 2 điều 136 BLTTHS năm 2015; Điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của UBTVQH;

Buộc các bị cáo Cao Văn S , Vũ Hải N và Nguyễn Đình H , mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí HSST.

Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND;
- THA dân sự;
- THA hình sự Công an huyện T
- Bị cáo; Người bào chữa
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Hằng